

LẤY PHÁT TRIỂN ĐỂ ỔN ĐỊNH, ỔN ĐỊNH ĐỂ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC: BƯỚC ĐỘT PHÁ TƯ DUY PHÁT TRIỂN CỦA ĐẢNG TẠI ĐẠI HỘI XIV

★ PGS, TS VŨ VĂN HÀ

Ban Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.581.2026.146>

● **Tóm tắt:** Bài viết phân tích quá trình phát triển tư duy của Đảng trong quan điểm phát triển qua 40 năm đổi mới, từ yêu cầu giữ vững ổn định để phát triển đến chủ trương lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước. Trên cơ sở làm rõ bước đột phá trong tư duy phát triển tại Đại hội XIV của Đảng, bài viết nhận diện một số vấn đề đặt ra về nhận thức, thể chế, quản trị rủi ro, công bằng xã hội và niềm tin nhân dân; từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hiện thực hóa quan điểm phát triển trong kỷ nguyên mới.

● **Từ khóa:** Phát triển; ổn định; phát triển nhanh, bền vững; tư duy phát triển; Đại hội XIV.

Using development to achieve stability, and stability to promote rapid and sustainable development of the country: A breakthrough in the Party's developmental thinking at the 14th National Congress

● **Abstract:** The article analyzes the evolution of the Party's developmental thinking over 40 years of national renovation, moving from the requirement of maintaining stability for development to the guideline of using development to achieve stability, and stability to promote rapid and sustainable development of the country. By clarifying this breakthrough in developmental thinking at the 14th National Party Congress, the article identifies several emerging issues regarding perception, institutions, risk management, social justice, and public trust, thereby proposing solutions to realize this developmental viewpoint in the new era.

● **Keywords:** development; stability; rapid and sustainable development; developmental thinking; 14th National Party Congress.

1. Mở đầu

Ổn định và phát triển là hai yêu cầu có ý nghĩa chiến lược, có quan hệ gắn bó chặt chẽ trong tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong 40 năm đổi mới, việc xử lý hài hòa giữa

yêu cầu ổn định chính trị - xã hội và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đã tạo nền tảng cho đất nước vượt qua khó khăn, duy trì môi trường hòa bình, mở rộng hội nhập quốc tế và từng bước nâng cao vị thế quốc gia. Thực tiễn cho

thấy, ổn định bền vững phải dựa trên nền tảng phát triển có chất lượng, bao trùm, công bằng, hiệu quả và có khả năng thích ứng. Ngược lại, phát triển nhanh, bền vững cần có môi trường chính trị - xã hội ổn định, kỷ cương, đồng thuận và năng lực quản trị quốc gia hiện đại. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống..., yêu cầu đặt ra không chỉ là giữ vững ổn định để phát triển, mà còn phải chủ động kiến tạo ổn định thông qua phát triển. Theo đó, phát triển trở thành phương thức căn bản để củng cố ổn định, còn ổn định phải được xây dựng trên cơ sở đổi mới, khơi thông nguồn lực và tạo động lực cho phát triển nhanh, bền vững.

2. Nội dung

2.1. Quá trình chuyển từ tư duy ổn định để phát triển đến phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển

Giai đoạn đầu đổi mới: giữ vững ổn định để thoát khỏi khủng hoảng và mở đường phát triển

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) mở ra công cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội khủng hoảng nghiêm trọng, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, bộc lộ nhiều hạn chế, quan hệ sản xuất không còn phù hợp với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp bách phải đổi mới, nhanh chóng khắc phục khủng hoảng, ổn định tình hình chính trị - xã hội.

Đảng đã khẳng định, đổi mới không phải thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà là thay đổi tư duy, cơ chế, chính sách, phương thức tổ chức thực hiện nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, từng bước ổn định đời sống nhân dân, khôi phục sản xuất, tạo tiền đề cho phát triển. Ổn định được đặt ra như điều kiện có ý nghĩa sống còn để bảo

đảm công cuộc đổi mới diễn ra có định hướng, không rơi vào rối loạn, mất phương hướng. Đại hội VI của Đảng xác định: “*Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo*” (ĐCSVN, 2006, tr.376), và “Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được” (ĐCSVN, 2006, tr.376).

Giai đoạn vượt qua khủng hoảng và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa: kết hợp ổn định với phát triển

Từ cuối những năm 1990, sau khi đất nước từng bước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và lúc này nhận thức của Đảng về nhiệm vụ bảo đảm ổn định và phát triển có tính đồng bộ và được mở rộng. Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã nêu rõ quan điểm: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” (ĐCSVN, 2016, tr.95). Trong giai đoạn này, ổn định không chỉ nhằm tránh khủng hoảng mà còn là điều kiện cho phát triển. Ổn định chính trị - xã hội sẽ là môi trường thu hút đầu tư, phát huy các nguồn lực cho phát triển; phát triển tạo ra cơ sở vật chất và tinh thần cho ổn định xã hội.

Giai đoạn hội nhập sâu rộng: phát triển nhanh đi đôi với phát triển bền vững, ổn định là tiền đề để phát triển nhanh, bền vững

Từ Đại hội X đến Đại hội XII của Đảng, đất nước bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện, nhưng cũng xuất hiện nhiều vấn đề mới, như: chất

lượng tăng trưởng còn thấp, năng suất lao động chưa cao, khoảng cách giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, nguy cơ tụt hậu, các thách thức an ninh phi truyền thống, tác động của toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Do đó, việc cơ cấu lại nền kinh tế, hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm tạo sự phát triển nhanh, bền vững là đòi hỏi cấp thiết. Nhận thức về ổn định có bước phát triển toàn diện hơn, gắn với đổi mới, dựa trên năng lực thích ứng, năng lực quản trị và năng lực phát triển.

Như vậy, tư duy phát triển của Đảng đã chuyển từ chú trọng tăng trưởng kinh tế đến tư duy phát triển toàn diện, bền vững, trên cơ sở xử lý hài hòa giữa hai nhiệm vụ ổn định và phát triển. Đại hội X của Đảng khẳng định: “Phát triển kinh tế phải đi đôi với việc bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, coi đây là tiền đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững” (ĐCSVN, 2018a, tr.260). Với tinh thần này, Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định: “Phải đặc biệt quan tâm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững” (ĐCSVN, 2018b, tr.937).

Giai đoạn Đại hội XIII đến nay: khơi dậy khát vọng phát triển, gắn ổn định với sức mạnh nội sinh của quốc gia

Ở giai đoạn này, ổn định được nhìn nhận toàn diện hơn, gắn với niềm tin và sự đồng thuận xã hội, năng lực quản trị quốc gia, chất lượng thể chế, năng lực dự báo và ứng phó với các biến động bên ngoài. Thực tiễn cho thấy, ổn định không chỉ dựa trên các biện pháp hành chính hay bảo đảm trật tự xã hội, mà phải dựa trên nền tảng phát triển có chất lượng, có sức chống chịu và khả năng thích ứng cao. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn để Đại hội XIV xác lập bước phát triển

mới trong tư duy về quan hệ giữa phát triển và ổn định: từ chỗ coi ổn định để phát triển sang chủ động lấy phát triển để ổn định; không chỉ giữ ổn định như điều kiện phòng ngừa rủi ro, mà biến ổn định thành môi trường và động lực cho phát triển nhanh, bền vững.

Quan điểm lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững xuất phát từ những cơ sở sau:

Thứ nhất, xuất phát từ yêu cầu khách quan của thực tiễn phát triển đất nước sau 40 năm đổi mới. Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn nhưng cũng có nhiều điểm nghẽn trong quá trình phát triển, như: chất lượng tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng; năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh còn hạn chế; nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, công nghệ vẫn hiện hữu... Trong bối cảnh đó, phát triển nhanh và bền vững không chỉ là mục tiêu mà còn là điều kiện để củng cố ổn định; nếu tăng trưởng chậm hoặc thiếu bền vững, các vấn đề về việc làm, thu nhập, an sinh xã hội và niềm tin của nhân dân sẽ gia tăng, làm suy giảm nền tảng ổn định của đất nước.

Thứ hai, xuất phát từ sự thay đổi của môi trường quốc tế. Hiện nay, thế giới đang có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó dự báo; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt; trật tự kinh tế - chính trị quốc tế chuyển dịch; khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ; biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng, dịch bệnh, di cư và xung đột khu vực... đặt ra nhiều thách thức mới. Trong bối cảnh đó, ổn định không chỉ là duy trì trạng thái hiện có, mà phải là khả năng thích ứng và theo kịp đà phát triển của thế giới. Muốn ổn định, quốc gia phải có năng lực phát triển mạnh; muốn giữ vững độc lập, tự chủ, phải có nền kinh tế đủ sức chống chịu và có năng lực cạnh tranh.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Trong điều kiện mới, ổn định không chỉ dựa vào mệnh lệnh hành chính, mà phải dựa vào pháp quyền, thể chế minh bạch, quản trị phát triển, năng lực dự báo, năng lực điều phối chính sách, chất lượng đội ngũ cán bộ và khả năng huy động sự tham gia của nhân dân, doanh nghiệp, trí thức và các chủ thể xã hội.

Thứ tư, xuất phát từ yêu cầu hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI. Việt Nam đặt ra mục tiêu trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và nước phát triển thu nhập cao vào năm 2045. Đây là mục tiêu có tính lịch sử, đòi hỏi tốc độ phát triển cao hơn, gắn với nâng cao chất lượng phát triển, năng lực đổi mới sáng tạo mạnh hơn và hiệu quả quản trị quốc gia. Để đạt được mục tiêu đó, không chỉ duy trì ổn định trạng thái hiện có; cũng không thể phát triển nhanh nếu thiếu môi trường ổn định, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, đồng thuận và tin cậy.

2.2. Bước đột phá trong tư duy phát triển của Đảng tại Đại hội XIV

Bước đột phá trong tư duy phát triển của Đảng tại Đại hội XIV có thể khái quát trên một số phương diện sau:

Một là, chuyển từ tư duy ổn định để phát triển sang tư duy năng động, lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển

Điểm mới nổi bật là Đảng đặt phát triển vào vị trí chủ động trong việc tạo lập ổn định. Theo đó, ổn định không còn được nhìn nhận là tiền đề của phát triển, mà là kết quả của phát triển đúng hướng, có chất lượng, bao trùm và bền vững. Khi kinh tế tăng trưởng, đời sống nhân dân được nâng cao, cơ hội phát triển được mở rộng, công bằng xã hội được bảo đảm, thể chế vận hành hiệu quả và niềm tin được củng cố thì

nền tảng ổn định chính trị - xã hội cũng trở nên vững chắc hơn. Phát triển và ổn định là hai quá trình thống nhất, tác động qua lại và bổ trợ lẫn nhau. Phát triển tạo ra nguồn lực, niềm tin và động lực cho ổn định; ổn định tạo ra môi trường, trật tự và điều kiện cho phát triển.

Hai là, xác lập quan niệm ổn định tích cực, ổn định trong đổi mới, không phải ổn định để duy trì hiện trạng

Đại hội XIV của Đảng đã nâng tầm tư duy về ổn định. Ổn định không phải là giữ nguyên hiện trạng, né tránh rủi ro, làm kìm hãm đổi mới; mà là ổn định trên nền tảng phát triển, kỷ cương, pháp quyền, đồng thuận, niềm tin và năng lực thích ứng.

Trong điều kiện thế giới có nhiều biến động, quốc gia nào chậm đổi mới càng rơi vào trạng thái bất ổn. Cơ chế lạc hậu, thể chế chậm đổi mới, nguồn lực bị ách tắc, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, bất bình đẳng và trì trệ sẽ trở thành nguồn gốc sâu xa của mất ổn định. Do đó, đổi mới mạnh mẽ, phát triển nhanh, tháo gỡ điểm nghẽn, giải phóng nguồn lực chính là phương thức bảo đảm ổn định từ gốc. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được nhấn mạnh tại Đại hội XIV là: “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển” (ĐCSVN, 2026, tr.143).

Ba là, gắn phát triển nhanh với phát triển bền vững

Đại hội XIV tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức của Đảng về yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong điều kiện mới. Phát triển nhanh là đòi hỏi khách quan, cấp bách nhằm khắc phục nguy cơ tụt hậu, phát huy hiệu quả thời cơ dân số vàng, tận dụng thành tựu khoa học - công

nghệ, chuyển đổi số và mở rộng hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, tốc độ phát triển phải gắn với tính bền vững; đó là sự bền vững đồng bộ trên các phương diện kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Quan điểm lấy phát triển để tạo dựng ổn định không có nghĩa là theo đuổi tăng trưởng bằng mọi giá, mà ổn định lâu dài chỉ có thể được bảo đảm trên nền tảng của phát triển bền vững. Một mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ, đầu tư dàn trải, gây ô nhiễm môi trường hoặc làm gia tăng bất bình đẳng xã hội sẽ tạo ra những hệ lụy bất ổn trong dài hạn. Do đó, phát triển phải hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, mở rộng cơ hội phát triển cho mọi người, bảo vệ môi trường, gìn giữ bản sắc văn hóa, bảo đảm công bằng xã hội và củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân.

Bốn là, đặt con người, nhân dân và niềm tin xã hội ở trung tâm của phát triển - ổn định

Bước đột phá của tư duy phát triển không chỉ nằm ở tốc độ tăng trưởng hay mô hình kinh tế, mà còn ở quan niệm về chủ thể và mục tiêu phát triển. Phát triển phải vì nhân dân, do nhân dân và lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu. Ổn định bền vững không thể chỉ được đo bằng trật tự bề ngoài, mà phải được đo bằng sự đồng thuận, niềm tin, sự tham gia, cảm nhận công bằng, an toàn và cơ hội phát triển của nhân dân. Khi nhân dân được thụ hưởng thành quả phát triển, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, văn minh, thì ổn định chính trị - xã hội sẽ có nền tảng vững chắc từ lòng dân. Đây chính là sự phát triển nhất quán của quan điểm lấy “dân là gốc”, đồng thời là yêu cầu mới của quản trị phát triển trong kỷ nguyên mới.

Năm là, gắn ổn định và phát triển với năng lực tự chủ chiến lược và sức mạnh tổng hợp quốc gia

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược, đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động kinh tế thế giới và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ổn định quốc gia không chỉ phụ thuộc vào trật tự bên trong, mà còn phụ thuộc vào năng lực tự chủ, sức chống chịu và vị thế quốc tế. Một nền kinh tế phụ thuộc quá mức, năng lực công nghệ thấp, năng suất lao động yếu, thể chế thiếu linh hoạt sẽ khó giữ ổn định trước các cú sốc bên ngoài. Vì vậy, Đại hội XIV đặt yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong mối quan hệ với độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng nền kinh tế có sức cạnh tranh và khả năng chống chịu. Đây là sự mở rộng quan niệm về ổn định: ổn định không chỉ là ổn định chính trị - xã hội trong nước, mà còn là ổn định trong thế chủ động chiến lược, tự cường và thích ứng với biến động toàn cầu.

2.3. Một số vấn đề đặt ra trong hiện thực hóa quan điểm lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững

Thứ nhất, nguy cơ nhận thức chưa đầy đủ về ổn định. Trong thực tiễn, vẫn còn biểu hiện đồng nhất ổn định với duy trì hiện trạng, ngại đổi mới, né tránh trách nhiệm, sợ sai, sợ va chạm. Cách hiểu này làm chậm quá trình đổi mới thể chế, giải ngân đầu tư công, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát huy nguồn lực xã hội. Khi ổn định bị hiểu thành bảo toàn hiện trạng, thì ổn định sẽ trở thành lực cản của phát triển.

Thứ hai, thách thức trong bảo đảm phát triển nhanh nhưng không làm phát sinh bất ổn xã hội. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, cơ cấu lại nền kinh tế có thể làm thay đổi đời sống, việc làm, phân bổ lợi ích và cơ hội phát triển. Nếu chính sách xã hội, đào tạo lại lao động, an sinh, quản

lý đô thị, quản lý đất đai, bảo vệ môi trường không theo kịp, phát triển nhanh sẽ tạo ra những áp lực mới đối với ổn định.

Thứ ba, điểm nghẽn về thể chế. Nhiều nguồn lực của đất nước chưa được khơi thông đầy đủ do thể chế chậm hoàn thiện, thủ tục hành chính còn phức tạp, phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực, kỷ luật, kỷ cương có nơi chưa nghiêm, tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm còn tồn tại. Khi thể chế không theo kịp yêu cầu phát triển, cả phát triển và ổn định đều bị ảnh hưởng.

Thứ tư, yêu cầu nâng cao năng lực quản trị rủi ro và ứng phó với biến động. Một nền quản trị phát triển hiện đại không chỉ xử lý vấn đề khi đã phát sinh, mà phải có năng lực dự báo, cảnh báo sớm, chuẩn bị phương án, điều phối chính sách và huy động nguồn lực xã hội. Đây còn là thách thức trong nhiều lĩnh vực, nhất là trước các vấn đề mới, như: an ninh mạng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, già hóa dân số, rủi ro tài chính, năng lượng, chuỗi cung ứng.

Thứ năm, yêu cầu củng cố niềm tin xã hội trong điều kiện truyền thông số và biến đổi giá trị xã hội. Niềm tin của nhân dân là nền tảng của ổn định. Tuy nhiên, trong bối cảnh mạng xã hội phát triển nhanh, thông tin sai lệch, tin giả, tâm lý bất mãn cục bộ, các biểu hiện suy thoái, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực có tác động nhanh đến niềm tin xã hội. Nếu không nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách, minh bạch thông tin, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực và giải quyết kịp thời bức xúc của nhân dân, ổn định xã hội sẽ đứng trước nhiều thách thức.

2.4. Định hướng giải pháp hiện thực hóa quan điểm phát triển mới trong thời gian tới

Một là, thống nhất nhận thức, phát triển là phương thức căn bản để tạo lập ổn định bền

vững. Tiếp tục quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội nhận thức ổn định không phải là bất biến, càng không phải là trì trệ; ổn định phải được xây dựng trên nền tảng phát triển. Mọi chủ trương, chính sách cần hướng tới giải phóng nguồn lực, khơi thông động lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao đời sống nhân dân, củng cố niềm tin xã hội. Cần khắc phục tư duy an toàn thụ động, chuyển sang tư duy ổn định trong đổi mới, an toàn trong phát triển, và quản trị rủi ro để phát triển. Đồng thời, cần có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đi đôi với xử lý nghiêm những biểu hiện lợi dụng đổi mới để trục lợi, vi phạm kỷ luật, kỷ cương, làm suy giảm niềm tin của nhân dân.

Hai là, đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển. Thể chế là điểm then chốt để chuyển hóa, hiện thực hóa quan điểm phát triển trong thực tiễn. Cần hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế trong các lĩnh vực, trước hết đẩy mạnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai, đầu tư, tài chính, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo đảm quyền tự do kinh doanh hợp pháp, bảo vệ quyền tài sản, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh. Cùng với đó, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, liêm chính, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, lấy kiến tạo phát triển và phục vụ nhân dân làm mục tiêu cao nhất. Việc phân cấp, phân quyền phải được thực hiện trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm và rõ nguồn lực bảo đảm; đồng thời gắn chặt với cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực một cách nghiêm minh, thường xuyên. Thể chế càng minh bạch, ổn định, dễ dự báo thì niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư càng được

củng cố; từ đó tạo nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững.

Ba là, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng phát triển. Muốn lấy phát triển để ổn định, phát triển phải có chất lượng cao, phải chuyển mạnh sang tăng trưởng dựa trên năng suất, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống quản trị hiện đại. Phát triển nhanh nhưng ít phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ, gia công lắp ráp; từng bước nâng cao vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Xác lập khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh là những động lực cốt lõi, giữ vai trò trung tâm trong mô hình phát triển, tạo nền tảng nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và sức chống chịu của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, phải thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của doanh nghiệp trong nước; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong các lĩnh vực then chốt, trọng yếu; đổi mới và phát triển kinh tế tập thể phù hợp với bối cảnh và yêu cầu mới. Đồng thời, cần thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án gắn với chuyển giao công nghệ, tạo liên kết thực chất với doanh nghiệp trong nước, góp phần nâng cao năng lực nội sinh và củng cố tính tự chủ của nền kinh tế.

Bốn là, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Ổn định bền vững được củng cố khi thành quả phát triển được phân bổ hợp lý, cơ hội phát triển được mở rộng, các nhóm yếu thế được bảo vệ và người dân cảm nhận rõ sự công bằng. Vì vậy, phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách vùng miền, bảo đảm sinh kế cho người dân trong quá trình chuyển đổi. Trước yêu cầu của

chuyển đổi số, tự động hóa và chuyển đổi xanh, cần xây dựng và triển khai các chính sách đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp nhằm giúp người lao động thích ứng hiệu quả với những biến đổi của thị trường lao động. Đồng thời, mọi chiến lược phát triển phải được thiết kế trên cơ sở đánh giá đầy đủ tác động xã hội, tác động môi trường và mức độ ảnh hưởng đối với từng nhóm dân cư, bảo đảm phát triển bao trùm, hài hòa và bền vững. Phát triển bao trùm chính là cơ sở xã hội của ổn định.

Năm là, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, có năng lực dự báo, thích ứng và điều phối phát triển. Cần chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính truyền thống sang tư duy quản trị phát triển hiện đại. Nhà nước không chỉ ban hành chính sách, mà phải có năng lực thiết kế chính sách dựa trên cơ sở bằng chứng, đánh giá tác động chính sách, dự báo rủi ro, điều phối liên ngành, liên vùng, huy động nguồn lực công - tư và phản ứng nhanh trước biến động. Cần xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia đồng bộ, liên thông; phát triển chính phủ số, xã hội số, kinh tế số; nâng cao năng lực phân tích dữ liệu, cảnh báo sớm rủi ro kinh tế - xã hội, an ninh phi truyền thống, môi trường, dịch bệnh, thiên tai. Một quốc gia có năng lực dự báo và thích ứng tốt sẽ giữ được ổn định trong biến động, biến thách thức thành cơ hội phát triển.

Sáu là, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển. Việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong nước phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và duy trì môi trường hòa bình, ổn định từ bên ngoài. Theo đó, cần gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc

phòng, an ninh; chú trọng phát triển các vùng chiến lược, địa bàn trọng yếu; đồng thời nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và bảo vệ các lĩnh vực an ninh phi truyền thống như: an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước và an ninh con người. Đối ngoại và hội nhập quốc tế cần tiếp tục phát huy vai trò tạo lập môi trường hòa bình, tranh thủ nguồn lực bên ngoài, nâng cao vị thế quốc gia, đồng thời giữ vững độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Hội nhập phải trở thành động lực chiến lược cho phát triển, nhưng hội nhập phải trên nền tảng nâng cao năng lực nội sinh, sức chống chịu và tự chủ của đất nước.

Bảy là, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, củng cố niềm tin và đồng thuận xã hội. Niềm tin của nhân dân là nguồn lực cốt lõi của ổn định và phát triển. Vì vậy, cần phát huy thực chất dân chủ ở cơ sở, tạo lập và mở rộng các kênh, cơ chế để nhân dân tham gia vào quá trình hoạch định chính sách, kiểm soát quyền lực, thực hiện phản biện xã hội và đóng góp ý kiến đối với những quyết sách phát triển quan trọng. Bên cạnh đó, phải nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách theo hướng kịp thời, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, tăng cường đối thoại và trách nhiệm giải trình. Cần tiếp tục đấu tranh kiên quyết, bền bỉ với tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; xử lý nghiêm minh các hành vi sai phạm làm xói mòn niềm tin của nhân dân. Phát triển phải luôn gắn với giữ vững kỷ cương; thực hành dân chủ phải đặt trong khuôn khổ pháp luật; sự đồng thuận xã hội phải được bồi đắp từ việc bảo đảm lợi ích chính đáng của nhân dân và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

3. Kết luận

Quan điểm lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững

đất nước là thành tựu lớn trong sự phát triển lý luận của Đảng qua 40 năm đổi mới. Từ yêu cầu giữ vững ổn định để tiến hành đổi mới, nhận thức của Đảng đã phát triển theo hướng coi phát triển và ổn định là hai mặt thống nhất, tác động qua lại; phát triển đúng hướng là nền tảng của ổn định, còn ổn định tích cực là điều kiện để phát triển nhanh, bền vững. Bước đột phá trong tư duy Đại hội XIV là đặt phát triển vào vị trí chủ động trong kiến tạo và củng cố ổn định, đồng thời xác lập quan niệm ổn định năng động, ổn định trong đổi mới, dựa trên thể chế, niềm tin, đồng thuận, năng lực thích ứng và sức mạnh tổng hợp quốc gia. Hiện thực hóa quan điểm này đòi hỏi đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động; đột phá về thể chế; nâng cao chất lượng tăng trưởng; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại; phát huy dân chủ, kỷ cương và niềm tin xã hội □

Ngày nhận bài: 07/7/2026;

Ngày bình duyệt: 10/7/2026;

Ngày quyết định đăng: 22/7/2026.

Email tác giả: vuvanha@hdll.vn

Tài liệu tham khảo:

- ĐCSVN (2006). *Văn kiện Đảng Toàn tập (Tập 47)*. Nxb Chính trị quốc gia.
- ĐCSVN (2016). *Văn kiện Đảng Toàn tập (Tập 60)*. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
- ĐCSVN (2018a). *Văn kiện Đảng Toàn tập (Tập 65)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- ĐCSVN (2018b). *Văn kiện Đảng Toàn tập (Tập 69)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- ĐCSVN (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.